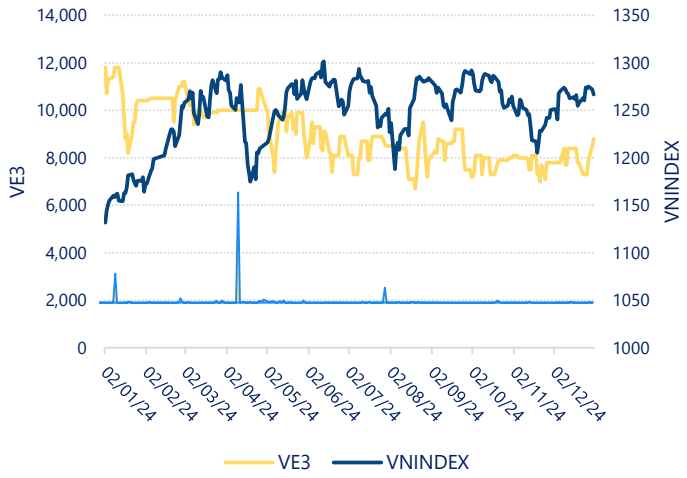
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	8,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.8%	**8.6%**	**20.5%**

Lịch sử giá

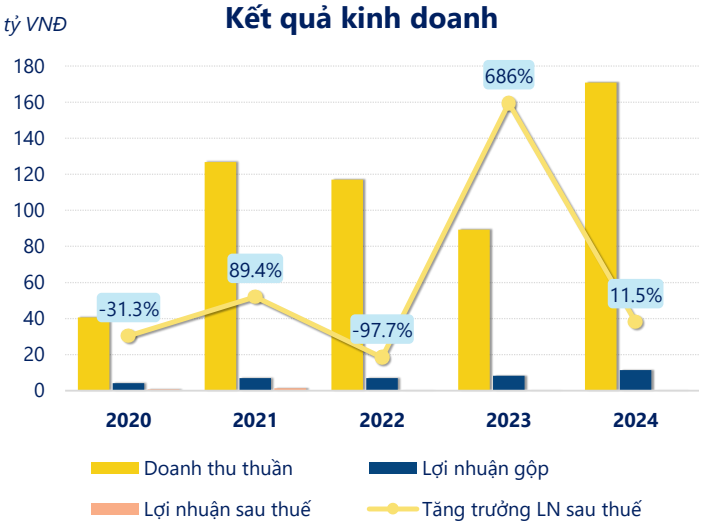


	2024	YoY
DT thuần	**171** *tỷ VNĐ*	▲ 81.7 ▲ 91.4%
LN gộp	**11.5** *tỷ VNĐ*	▲ 3.30 ▲ 39.9%
LN thuần	**1.06** *tỷ VNĐ*	▲ 0.38 ▲ 55.4%
LN sau thuế	**0.25** *tỷ VNĐ*	▲ 0.02 ▲ 11.5%

	2024	+/- YoY
ROE	**1.3%**	▲ 0.1%

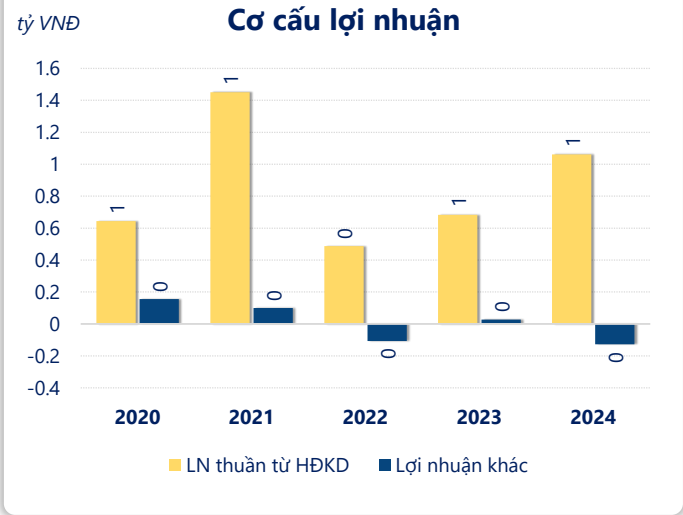
	2024
ROA	**0.2%**

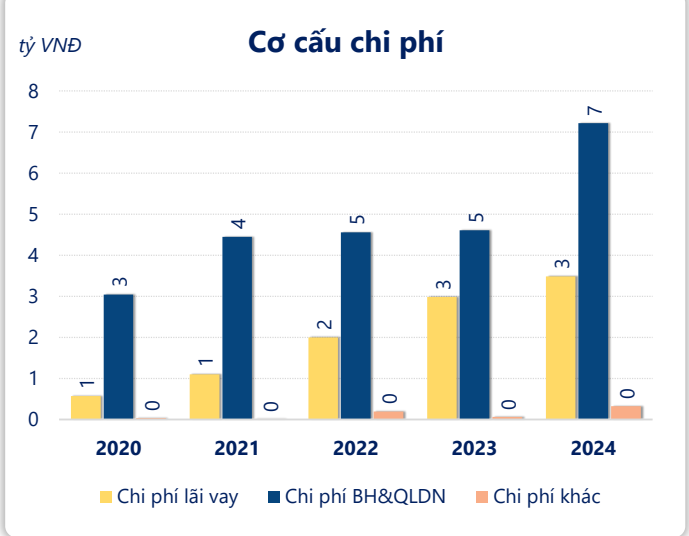
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **VE3** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 91.4%** đạt **170.9** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 11.5%** đạt **0.25** tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế bằng 0 cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận hoặc đang gặp phải các thách thức tài chính.

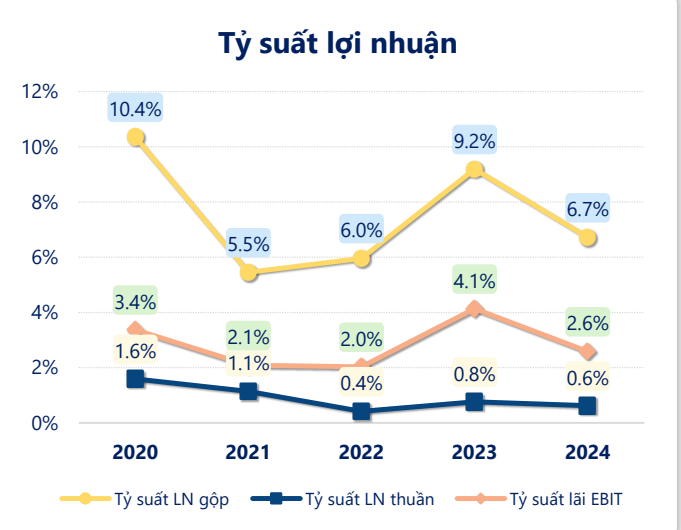


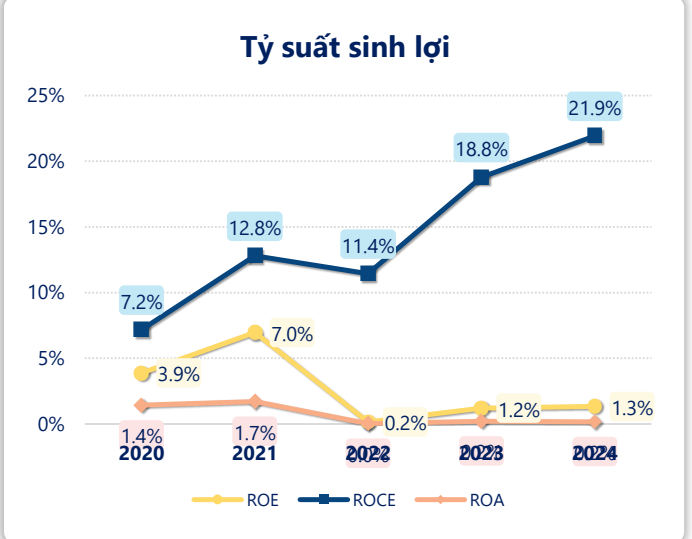


Năm **2024**, **VE3** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **1.06** tỷ đồng, **tăng lên 0.38** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (0.87 tỷ đồng) là 0.20 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

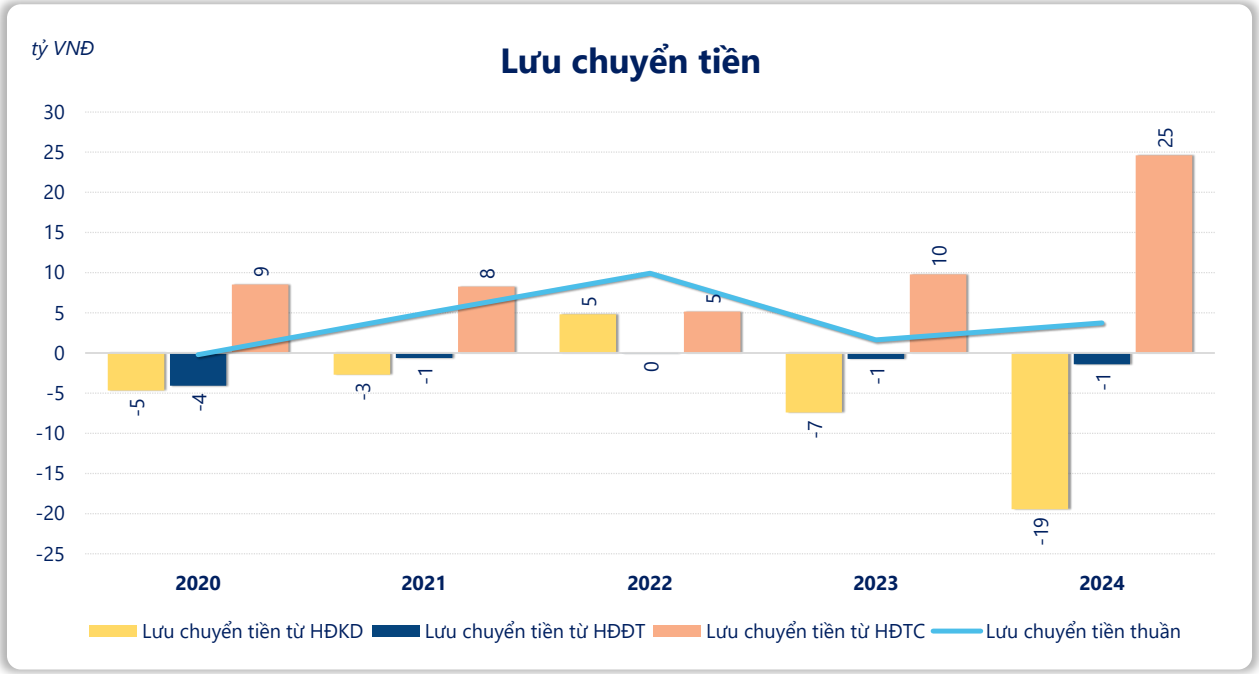
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **3.48** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **7.21** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.33** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VE3 năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **1.33%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**40.5**	**127**	**117**	**89.3**	**171**
Giá vốn hàng bán	36.3	120	110	81.1	159
Lợi nhuận gộp	**4.20**	**6.91**	**6.98**	**8.20**	**11.5**
Doanh thu HĐTC	0.06	0.26	0.06	0.06	0.34
Chi phí TC	0.57	1.27	2.00	2.98	3.54
Chi phí lãi vay	**0.57**	**1.10**	**2.00**	**2.98**	**3.48**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.04	4.45	4.55	4.60	7.21
LN thuần từ HĐKD	**0.64**	**1.45**	**0.49**	**0.68**	**1.06**
Lợi nhuận khác	0.16	0.10	-0.11	0.03	-0.13
LN trước thuế	**0.80**	**1.55**	**0.38**	**0.71**	**0.93**
Lợi nhuận sau thuế	**0.67**	**1.28**	**0.03**	**0.23**	**0.25**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.67**	**1.28**	**0.03**	**0.23**	**0.25**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VE3 bằng **3.73** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (1.65 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-19.45** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-1.41** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **24.59** tỷ đồng.